

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

*Báo cáo Tài hợp nhất
cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc tại ngày 30/06/2015
đã được soát xét*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI HỢP NHẤT	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Công ty

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014 và lần thứ 25 ngày 08/12/2014.

Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mạtit; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

Vốn điều lệ: 1.072.877.400.000 VNĐ (Một nghìn không trăm bảy mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng)

Trụ sở chính: số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Cấu trúc doanh nghiệp :

Thông tin về chi nhánh:

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai
Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh : 1600169024-014
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai
Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Mã số chi nhánh : 1600169024-012
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp
Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Mã số chi nhánh : 1600169024-017
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai
Số 325/1 hẻm Hùng Vương, đường Hùng Vương, P. Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Mã số chi nhánh : 1600169024-019

Thông tin về văn phòng đại diện:

- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc
Địa chỉ : Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Mã số VPĐD : 1600169024-016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình
Địa chỉ : Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
Mã số VPĐD : 1600169024-018

Công ty liên kết:		Vốn đầu tư	
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia		196.876.570.000	VND
Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế.		3.510.000.000	VND
Công ty con:			
Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát		33.000.000.000	VND
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp		20.047.729.800	VND
Kết quả hoạt động			
Lợi nhuận sau thuế cho:	+ Giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 là:	25.078.801.049	VND
	+ Giai đoạn 06 tháng đầu năm 2014 là:	27.110.196.648	VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại:	+ Thời điểm 30 tháng 06 năm 2015 là:	138.028.195.314	VND
	+ Thời điểm 01 tháng 01 năm 2015 là:	58.234.527.050	VND

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch
Ông : Lê Văn Chung	Thành viên
Ông : Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông : Lê Văn Thủy	Thành viên
Ông : Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông : Lê Văn Lâm	Thành viên
Bà : Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên
Bà : Lê Thị Nguyệt Thu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà : Lê Thị Nguyệt Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hoàng Sang	Giám Đốc Tài Chính
Bà : Lê Thị Phương	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Trương Công Khánh	Trưởng ban kiểm soát
Bà : Lê Thị Tính	Thành viên kiểm soát
Ông : Lê Thanh Hân	Thành viên kiểm soát

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc tại ngày ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



LÊ THANH THUẬN



Số ~~A96A~~/BCKT/TC/2015/AASCS

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai lập tại ngày 10 tháng 08 năm 2015, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2015 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên

Bùi Thị Thanh Thảo

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2119-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.666.333.002.148	1.953.211.041.211
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	55.432.457.984	389.731.896.437
111	1. Tiền		49.545.493.477	39.466.688.104
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.886.964.507	350.265.208.333
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04		
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		635.031.852.865	685.843.509.651
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	259.731.962.544	337.983.074.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		288.259.948.483	270.196.363.430
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	06	87.039.941.838	77.664.071.904
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho		965.364.183.520	861.193.048.643
141	1. Hàng tồn kho	07	965.364.183.520	861.193.048.643
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.504.507.779	16.442.586.480
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.004.318.801	29.317.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.881.222.649	16.346.245.182
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	618.966.329	67.024.298
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		548.132.102.405	521.000.901.589
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		883.011.966	39.193.850
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		41.500.000	
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		39.193.850	39.193.850
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	06	802.318.116	
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		90.048.266.360	91.308.963.641
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	66.980.806.552	69.158.198.641
222	- Nguyên giá		89.073.249.625	88.892.920.841
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(22.092.443.073)	(19.734.722.200)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	23.067.459.808	22.150.765.000
228	- Nguyên giá		23.067.459.808	22.150.765.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	III. Bất động sản đầu tư	11	84.458.693.470	85.763.335.670
231	- Nguyên giá		106.135.121.819	105.900.867.651
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(21.676.428.349)	(20.137.531.981)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		51.658.485.943	51.738.485.943
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	51.658.485.943	51.738.485.943
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	298.582.962.652	272.876.816.811
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		254.146.259.891	248.949.869.307
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.360.000.000	23.940.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(33.297.239)	(13.052.496)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.110.000.000	
260	V. Tài sản dài hạn khác		22.500.682.014	19.274.105.674
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	20.864.750.931	16.952.822.447
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.635.931.083	1.738.791.714
268	4. Tài sản dài hạn khác			582.491.513
269	5. Lợi thế thương mại		5.073.463.643	7.032.549.633
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.219.538.568.196	2.481.244.492.433



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		918.231.348.679	1.203.534.595.293
310	I. Nợ ngắn hạn		448.255.920.240	778.826.401.977
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	45.812.454.505	101.040.087.826
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		110.332.401.050	88.200.414.440
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	39.290.454.289	35.930.362.549
314	4. Phải trả người lao động		831.831.015	482.564.004
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		211.399.000	150.408.400
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	25.573.660.574	
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	42.989.270.635	22.597.607.768
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	172.874.143.723	521.663.950.218
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.340.305.449	8.761.006.772
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		469.975.428.439	424.708.193.316
331	1. Phải trả người bán dài hạn		329.676.689	
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	7.429.062.147	7.936.325.972
337	7. Phải trả dài hạn khác	16	500.000.000	3.174.600.241
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	461.715.125.400	413.595.702.900
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.564.203	1.564.203
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

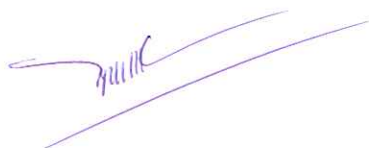
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.290.675.949.048	1.267.206.446.675
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.290.675.949.048	1.267.206.446.675
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.072.877.400.000	1.072.877.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.072.877.400.000	1.072.877.400.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.057.080.000	45.057.080.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		29.741.625.939	23.304.431.230
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.971.647.795	4.971.647.795
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		138.028.195.314	120.995.887.650
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		112.949.394.265	58.234.527.050
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		25.078.801.049	62.761.360.600
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		10.631.270.469	10.503.450.465
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.219.538.568.196	2.481.244.492.433

Long Xuyên, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phượng

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	420.307.551.344	555.496.021.937
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	56.124.173.277	8.468.952.451
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	364.183.378.067	547.027.069.486
11	4. Giá vốn hàng bán	23	302.695.240.120	475.347.959.542
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.488.137.947	71.679.109.944
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	5.804.856.004	309.012.528
22	7. Chi phí tài chính	25	6.159.564.983	26.379.968.976
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.118.375.343	23.049.776.997
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết		1.534.690.605	13.248.270.323
25	8. Chi phí bán hàng	26	11.496.985.673	19.646.060.022
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.108.933.087	8.339.517.062
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.062.200.813	30.870.846.735
31	11. Thu nhập khác	27	770.936.539	334.565.921
32	12. Chi phí khác	28	129.875.184	43.566.468
40	13. Lợi nhuận khác		641.061.355	290.999.453
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.703.262.168	31.161.846.188
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	7.260.392.202	5.791.875.456
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1.635.931.083)	(1.740.225.916)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.078.801.049	27.110.196.648
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		24.950.967.041	27.110.196.648
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		127.834.008	
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		233	569
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		221	

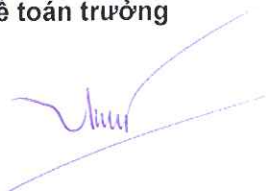
Long Xuyên, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phượng

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.703.262.168	31.161.846.188
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		2.357.720.873	2.461.632.271
03	2. Các khoản dự phòng		(33.297.239)	
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(388.864.514)	(7.110.015)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.549.670.813)	(92.706.237)
06	5. Chi phí lãi vay		10.118.375.343	23.049.776.997
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		41.207.525.818	56.573.439.204
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		58.402.025.542	(5.514.155.028)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(104.171.134.877)	(157.301.609.267)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(31.628.466.336)	146.931.823.362
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.886.930.285)	489.194.087
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.118.375.343)	(36.013.451.602)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.410.466.387)	(3.379.300.616)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		45.741.033.927	13.000.730.010
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.864.787.941)	14.786.670.150
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			(87.637.221)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.110.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(186.404.780.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		165.000.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.573.030.792	76.282.327
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(24.941.749.208)	(11.354.894)

0117
CÔNG TY
CHỨC NHIỆM H
VỤ T
CHÍNH KÍ
KIỂM T
ĐIỂM NA
P.H.C

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
31	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
33	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
34	3. Tiền thu từ đi vay		514.910.873.723	423.400.495.544
35	4. Tiền trả nợ gốc vay		(815.378.257.718)	(426.369.968.357)
36	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(27.001.000)	
40	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(300.494.384.995)	(2.969.472.813)
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(334.300.922.144)	11.805.842.443
60	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		389.731.896.437	25.768.808.229
61	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.483.691	7.110.015
70	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		55.432.457.984	37.581.760.687
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ			

Long Xuyên, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phượng



Tổng Giám đốc

Lê Thanh Thuận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014 và lần thứ 25 ngày 08/12/2014.

Trụ sở chính: số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Vốn điều lệ: 1.072.877.400.000 VNĐ (Một nghìn không trăm bảy mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng)

Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mịn; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

Cấu trúc doanh nghiệp :

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	Địa chỉ: 09 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM	66,00%	66,00%
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Số 06, Đõ Công Tường, Phường 2, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	63,54%	63,54%



2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển... hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như : Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

- Các khoản đầu tư được coi như "tương đương tiền" là khoản đầu tư không có nhiều rủi ro, dễ chuyển hóa thành tiền và có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.
- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... với mục đích kinh doanh (chờ tăng giá bán kiếm lời).

Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận; còn cho giai đoạn trước ngày đầu tư không hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính mà hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Dự phòng đầu tư tài chính:

011721
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
VỤ TỰ
KẾ TÍNH
KIỂM TOÁN
ÁI NAI
TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Là dự phòng phần tổn thất do giảm giá chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ có thể xảy ra, hoặc dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác do doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác bị lỗ;

- Dự phòng đầu tư chứng khoán: Là các loại chứng khoán do doanh nghiệp nắm giữ một cách hợp pháp, được tự do chuyển đổi trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, có sự giảm giá; Mức trích lập là giá trị ghi sổ với giá trị thuần có thể thực hiện được; Doanh nghiệp trích lập dự phòng cho từng loại chứng khoán, thông thường là thời điểm cuối năm tài chính, trường hợp lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có sự biến động lớn về dự phòng thì có thể trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng về đầu tư chứng khoán tại ngày lập BCTC giữa niên độ.

- Dự phòng đầu tư dài hạn: Là khoản dự phòng do tổn thất đầu tư vào đơn vị khác do đơn vị được đầu tư bị lỗ và nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn từ khoản đầu tư này; Mức trích lập là giá trị khoản lỗ trên kết quả kinh của đơn vị nhận đầu tư tương đương với tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư tại thời điểm lập BCTC.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ giao dịch nội bộ: Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty mẹ, các khoản thu nhập, chi phí, các khoản lãi lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
Tiền mặt	29.108.443.160	20.130.428.952
Tiền gửi không kỳ hạn	20.437.050.317	19.336.259.152
Các khoản tương đương tiền	5.886.964.507	350.265.208.333
Cộng	55.432.457.984	389.731.896.437

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

04. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh				
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1) Ngắn hạn	30/06/2015	Giá trị ghi sổ	01/01/2015	Giá trị ghi sổ
b2) Dài hạn	Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30/06/2015	Giá trị ghi sổ	01/01/2015	Giá trị ghi sổ
+ Công ty CPĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	200.386.570.000	254.146.259.891	200.371.790.000	248.949.869.307
+ Công ty CPĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	196.876.570.000	253.009.050.575	111.211.790.000	154.770.262.454
+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á	3.510.000.000	1.137.209.316	62.000.000.000	72.765.013.622
+ Công ty CPĐT TC và Truyền thông Quốc tế			24.000.000.000	21.897.687.605
			3.160.000.000	(483.094.374)
		30/06/2015		01/01/2015
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác				
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	39.360.000.000	39.326.787.173	23.940.000.000	23.926.947.504
+ Công ty CPĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	8.060.000.000	8.026.787.173	7.940.000.000	7.926.947.504
+ Công ty CP Nhật Hồng	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Công ty CP PT Bóng đá Đồng Tháp	15.000.000.000	15.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	1.300.000.000		
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	5.110.000.000	5.110.000.000		
	5.110.000.000	5.110.000.000		
		30/06/2015		01/01/2015
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dững Thịnh Phát	09 Nguyễn Kim, P.12, Quận 5, Tp.HCM	66,00%	66,00%	Xây dựng, mua bán vật liệu...
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Số 06, Đỗ Công Tường, P.2, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	63,54%	63,54%	Khách sạn, du lịch.....
Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	QL 80, CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành - Lấp Vò - Đồng Tháp	23,17%	23,17%	Chế biến thủy hải sản, xây dựng...
Công ty CP ĐT TC và Truyền thông Quốc tế	Số 6-Lô 10 KDT Sao Mai, Xuân Hòa, Tịnh Biên, An Giang	35,10%	35,10%	Quảng cáo, xúc tiến đầu tư...

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty liên doanh, liên kết:

Tên Công ty	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Đầu tư Đa Quốc Gia I.D.I	- Mua cá thành phẩm	46.179.035.000
	- Bán cá tra nguyên liệu	152.689.509.112
	- Phí ủy thác xuất khẩu	361.900.000
	- Chi hộ cước vận chuyển	2.351.256.740
	- Phải thu tiền chi hộ BHXH	36.683.500
	- Phải thu tiền uỷ thác xuất khẩu	49.246.688.359

05. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

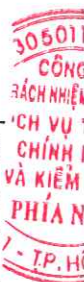
	30/06/2015	01/01/2015
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	259.731.962.544	337.983.074.317
Công ty Cổ phần Thái Sơn	6.974.620.468	6.974.620.468
Công ty Hao Wei Yuan Co., LTD	2.106.039.976	33.477.210.868
Công ty TNHH MTV XD TM Sông Đà		10.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Đa Quốc Gia IDI		9.365.029.600
Đối tượng khác	250.651.302.100	278.166.213.381

b) Phải thu của khách hàng dài hạn

Cộng	259.731.962.544	337.983.074.317
-------------	------------------------	------------------------

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	30/06/2015	01/01/2015
+ Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty liên kết		9.365.029.600



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

06. PHẢI THU KHÁC	30/06/2015		01/01/2015	
	Gía trị	Dự phòng	Gía trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	86.492.261.838		77.116.391.904	
Phải thu về cổ phần hoá				
Phải thu người lao động				
Ký cược, ký quỹ				
Cho mượn				
Tạm ứng	55.252.102.766		59.868.512.930	
Các khoản chi hộ				
Phải thu khác	31.240.159.072		17.247.878.974	
b) Dài hạn	547.680.000		547.680.000	
Phải thu về cổ phần hoá				
Phải thu người lao động				
Ký cược, ký quỹ	547.680.000		547.680.000	
Cộng	87.039.941.838		77.664.071.904	

07. HÀNG TỒN KHO	30/06/2015	01/01/2015
- Nguyên liệu, vật liệu	265.313.608	857.917.170
- Công cụ, dụng cụ		16.058.646
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	237.787.344.902	93.755.883.076
- Thành phẩm		
- Hàng hóa	727.294.785.010	737.673.429.751
- Hàng gửi đi bán	16.740.000	28.889.760.000
Cộng	965.364.183.520	861.193.048.643

08. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN	30/06/2015	01/01/2015
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	51.658.485.943	51.738.485.943
b) Xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm		
Xây dựng cơ bản	51.658.485.943	51.738.485.943
<i>Khu dân cư Bình Khánh 3-Đường GTGT</i>	1.147.923.083	1.147.923.083
<i>Khu dân cư Chợ Vàm - Huyện Phú Tân</i>		80.000.000
<i>Khu dân cư Hoà Bình</i>	1.614.397.310	1.614.397.310
<i>Khu Đô Thị P10, Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang</i>	882.034.099	882.034.099
<i>khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM</i>	47.380.200.000	47.380.200.000
<i>Công trình Cồn Bình Thạnh - Huyện Cao Lãnh</i>	462.649.706	462.649.706
<i>Thiết kế nhà hàng Sa Đéc</i>	73.535.298	73.535.298
<i>Công trình khác</i>	97.746.447	97.746.447
Cộng	51.658.485.943	51.738.485.943



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH	Đơn vị tính: VND					
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	72.740.171.824	4.602.812.537	6.300.521.097	1.766.522.384	3.482.892.999	88.892.920.841
2. Số tăng trong kỳ	41.298.924	100.969.260	38.060.600			180.328.784
- Mua trong kỳ	41.298.924	100.969.260	38.060.600			180.328.784
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	72.781.470.748	4.703.781.797	6.338.581.697	1.766.522.384	3.482.892.999	89.073.249.625
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	12.296.262.672	2.069.251.988	3.939.346.579	1.104.371.054	325.489.907	19.734.722.200
2. Khấu hao trong kỳ	1.570.501.510	243.280.295	280.921.726	223.301.536	39.715.806	2.357.720.873
- Khấu hao trong kỳ	1.570.501.510	243.280.295	280.921.726	223.301.536	39.715.806	2.357.720.873
- Tặng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	13.866.764.182	2.312.532.283	4.220.268.305	1.327.672.665	365.205.713	22.092.443.073
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	60.443.909.152	2.533.560.549	2.361.174.518	662.151.330	3.157.403.092	69.158.198.641
2. Tại ngày cuối kỳ	58.914.706.566	2.391.249.514	2.118.313.392	438.849.719	3.117.687.286	66.980.806.552

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
06 tháng đầu năm 2015

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	22.150.765.000					22.150.765.000
2. Số tăng trong kỳ	916.694.808					916.694.808
- Mua trong kỳ	916.694.808					916.694.808
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	23.067.459.808					23.067.459.808
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ						
2. Khấu hao trong kỳ						
- Khấu hao trong kỳ						
- Tặng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ						
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	22.150.765.000					22.150.765.000
2. Tại ngày cuối kỳ	23.067.459.808					23.067.459.808

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	105.900.867.651	234.254.167		106.135.121.819
- Quyền sử dụng đất	51.383.674.376			51.383.674.376
- Nhà (*)	54.517.193.275	234.254.167		54.751.447.442
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
II. Giá trị hao mòn lũy kế	20.137.531.981	1.538.896.368		21.676.428.349
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	20.137.531.981	1.538.896.368		21.676.428.349
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
III. Giá trị còn lại	85.763.335.670			84.458.693.470
- Quyền sử dụng đất	51.383.674.376			51.383.674.376
- Nhà	34.379.661.294			33.075.019.093

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn	30/06/2015	01/01/2015
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.004.318.801	29.317.000
Chi phí đi vay	2.004.318.801	29.317.000
Các khoản khác		
b) Dài hạn	20.864.750.931	16.952.822.447
Chi phí thành lập doanh nghiệp	5.859.537.777	7.987.357.886
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.005.213.154	8.965.464.561
Các khoản khác	22.869.069.732	16.982.139.447
Cộng		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015			Trong kỳ			01/01/2015		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH									
a) Vay ngắn hạn	172.874.143.723	172.874.143.723	278.514.143.723	627.303.950.218	521.663.950.218	521.663.950.218			
- VND	172.874.143.723	172.874.143.723	278.514.143.723	627.303.950.218	521.663.950.218	521.663.950.218			
- USD									
b) Vay dài hạn	461.715.125.400	459.941.567.200	245.533.730.000	197.414.307.500	413.595.702.900	413.595.702.900			
Trên 1 năm đến 5 năm	461.715.125.400	459.941.567.200	245.533.730.000	197.414.307.500	413.595.702.900	413.595.702.900			
- VND	461.715.125.400	459.941.567.200	245.533.730.000	197.414.307.500	413.595.702.900	413.595.702.900			
- USD									
Trên 5 năm									
14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN									
	30/06/2015			30/06/2015			01/01/2015		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	45.812.454.505	45.812.454.505		101.040.087.826	101.040.087.826	101.040.087.826			
+ Huỳnh Phú Lâm	3.600.000.000	3.600.000.000		526.762.468	526.762.468	526.762.468			
+ Công ty CP Đầu tư DL & PT Thủy Sản	4.126.762.468	4.126.762.468		5.651.136.000	5.651.136.000	5.651.136.000			
+ Công ty CP Thực ăn chăn nuôi Vina	5.651.136.000	5.651.136.000		10.206.536.078	10.206.536.078	10.206.536.078			
+ Công ty CP Đầu tư Địa ốc Khoáng sản Châu Á	10.206.536.078	10.206.536.078		9.177.437.427	9.177.437.427	9.177.437.427			
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Đa Quốc Gia IDI	9.177.437.427	9.177.437.427		13.050.582.532	13.050.582.532	13.050.582.532			
Đối tượng khác	13.050.582.532	13.050.582.532					85.641.183.887	85.641.183.887	
							14.872.141.471	14.872.141.471	
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn									
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán									
d) Phải trả người bán là các bên liên quan									

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
06 tháng đầu năm 2015

Đối tượng	Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015		Đơn vị tính: VND
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty Cp Đầu tư PT Đa Quốc Gia IDI	Công ty liên kết	5.591.148.829	5.591.148.829	11.109.354.688	11.109.354.688	
Công ty CP DL & PT Thủy Sản	Cô liên kết	4.316.914.207	4.316.914.207	526.762.468	526.762.468	
Cộng		9.908.063.036	9.908.063.036	11.636.117.156	11.636.117.156	

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		01/01/2015
	30/06/2015	30/06/2015	30/06/2015	30/06/2015	
Thuế giá trị gia tăng	1.294.155.311	952.178.258	8.775.609.289	9.074.294.233	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	20.038.322			9.013.420	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.079.157.547		2.410.466.387	9.255.992.459	
Thuế thu nhập cá nhân	334.792.197	371.833.718	546.811.318	501.997.953	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	23.333.879.151			16.880.462.792	
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	90.928.214		71.098.145	208.601.692	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	137.503.547		11.732.886.994	35.930.362.549	
Cộng	39.290.454.289	1.324.011.976	11.732.886.994	35.930.362.549	

b) Phải thu

Thuế thu VAT hàng nhập khẩu	Số phải thu trong kỳ		Số đã thu trong kỳ		01/01/2015
	30/06/2015	30/06/2015	30/06/2015	30/06/2015	
	618.966.329	553.097.779	1.155.748	67.024.298	
Cộng	618.966.329			67.024.298	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015	01/01/2015
16. PHẢI TRẢ KHÁC		
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	76.811.500	
Bảo hiểm xã hội	91.262.613	104.759.613
Bảo hiểm y tế		5.213.981
Bảo hiểm thất nghiệp		
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.205.435.425	1.236.065.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	41.615.761.097	21.251.568.674
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng	42.989.270.635	22.597.607.768
b) Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN		
	30/06/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	25.573.660.574	
b) Dài hạn	7.429.062.147	7.936.325.972
Doanh thu nhận trước	7.429.062.147	7.936.325.972
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
Cộng	33.002.722.721	7.936.325.972



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	476.834.400.000	141.588.960.000	21.266.060.888	4.971.647.795	58.234.527.050	702.895.595.733
Tăng vốn trong kỳ trước	596.043.000.000					596.043.000.000
Lãi trong kỳ trước					89.151.043.528	89.151.043.528
Tăng do trích lập từ lợi nhuận			2.038.370.342			2.038.370.342
Giảm vốn trong kỳ trước						
+ Tăng vốn bằng thặng dư		(96.531.880.000)				(96.531.880.000)
+ Chia cổ tức					(23.841.720.000)	(23.841.720.000)
+ Trích quỹ từ lợi nhuận					(2.547.962.928)	(2.547.962.928)
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư đầu kỳ này	1.072.877.400.000	45.057.080.000	23.304.431.230	4.971.647.795	120.995.887.650	1.267.206.446.675
Tăng vốn trong kỳ này						
Lãi trong kỳ này					24.950.967.041	24.950.967.041
Tăng do trích từ lợi nhuận			6.437.194.709			6.437.194.709
Tăng khác						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(7.918.659.377)	(7.918.659.377)
Giảm vốn trong kỳ này						
Lỗ trong kỳ này						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư cuối kỳ này	1.072.877.400.000	45.057.080.000	29.741.625.939	4.971.647.795	138.028.195.314	1.290.675.949.048



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	<u>Cuối kỳ</u>	%	<u>Đầu kỳ</u>	%
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các cổ đông	1.072.877.400.000	100,00%	1.072.877.400.000	100,00%
Cộng	1.072.877.400.000		1.072.877.400.000	
18. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
	<u>Kỳ này</u>		<u>Kỳ trước</u>	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:				
- Vốn góp đầu kỳ	1.072.877.400.000		1.072.877.400.000	
- Vốn góp tăng trong kỳ				
- Vốn góp giảm trong kỳ				
- Vốn góp cuối kỳ	1.072.877.400.000		1.072.877.400.000	
18. d) Cổ phiếu	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu kỳ</u>	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	107.287.740		107.287.740	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	107.287.740		107.287.740	
- Cổ phiếu phổ thông	107.287.740		107.287.740	
- Cổ phiếu ưu đãi				
Số lượng cổ phiếu được mua lại				
- Cổ phiếu phổ thông				
- Cổ phiếu ưu đãi				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	107.287.740		107.287.740	
- Cổ phiếu phổ thông	107.287.740		107.287.740	
- Cổ phiếu ưu đãi				
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu				
18. Cổ tức				
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán			23.841.720.000	
18. đ) Các quỹ của công ty:	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu kỳ</u>	
Quỹ đầu tư phát triển	29.741.625.939		23.304.431.230	
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.971.647.795		4.971.647.795	
18. g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể				
Thù lao hội đồng quản trị				
19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu kỳ</u>	
Ngoại tệ các loại				
- Dollar Mỹ (USD)	16,726		103,432	
- Bảng Anh (EUR)				
- Đô la Hồng Kông (HKD)				
- Nhân dân tệ (CNY)				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
a) Doanh thu		
Doanh thu kinh doanh bất động sản	180.815.588.319	82.699.231.947
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.456.701.378	5.676.996.631
Doanh thu bán hàng thương mại	206.035.261.647	446.254.429.905
Doanh thu thành phẩm khác		
Doanh thu từ đầu tư xây dựng		20.865.363.454
Doanh thu khác		
Cộng	420.307.551.344	555.496.021.937

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2015
+ Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty liên kết	152.689.509.112
+ Công ty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Đầu tư dài hạn khác	49.900.000.000

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại	56.124.173.277	8.468.952.451
Cộng	56.124.173.277	8.468.952.451

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Doanh thu thuần bất động sản	124.691.415.042	74.230.279.496
Doanh thu thuần dịch vụ	33.456.701.378	5.676.996.631
Doanh thu thuần thương mại	206.035.261.647	446.254.429.905
Doanh thu thuần thành phẩm khác		
Doanh thu thuần xây dựng		20.865.363.454
Cộng	364.183.378.067	547.027.069.486

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Giá vốn của hàng hóa bất động sản	72.151.357.737	27.368.453.312
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.481.737.959	6.299.022.658
Giá vốn thương mại	202.062.144.424	425.187.328.289
Giá vốn xây dựng		16.493.155.283
Giá vốn thành phẩm khác		
Cộng	302.695.240.120	475.347.959.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.549.670.813	92.706.237
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ	18.913.057	7.110.015
- Lãi chênh lệch tỷ giá	369.951.457	
- Lãi bán hàng trả chậm	189.394.500	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.676.926.177	209.196.276
Cộng	5.804.856.004	309.012.528

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
- Lãi tiền vay	10.118.375.343	23.049.776.997
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ do bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		3.007.738
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(4.035.861.457)	
- Chi phí tài chính khác	77.051.097	3.327.184.241
Cộng	6.159.564.983	26.379.968.976

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	28.620.162.680	3.607.239.149
Chi phí bằng tiền khác	3.985.756.080	4.732.277.913
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi		
Các khoản chi phí QLDN khác		
Cộng	32.605.918.760	8.339.517.062
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí vận chuyển hàng hóa		
Chi phí bằng tiền khác	4.269.693.466	2.905.546.198
Các khoản chi phí QLDN khác	7.227.292.207	16.740.513.824
Cộng	11.496.985.673	19.646.060.022

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

27. THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	370.763.450	
Tiền phạt thu được		
Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ	400.173.089	334.565.921
Các khoản khác		
Cộng	770.936.539	334.565.921

28. CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Phân bổ công cụ dụng cụ		
Chi phí do phạt vi phạm hợp đồng	111.295.345	
Các khoản bị phạt	18.579.839	43.566.468
Các khoản khác		
Cộng	129.875.184	43.566.468

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.260.392.202	5.791.875.456
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.260.392.202	5.791.875.456

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	524.047.873.723	VND
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	824.718.257.718	VND

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30. 1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	Công ty con
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Công ty con
Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty liên kết
Công ty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết
Công ty CP Dầu Cá Châu Á	Công ty liên kết
Công ty CP ĐT TC và Truyền thông Quốc tế	Công ty liên kết
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Đầu tư vào đơn vị khác
Công ty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Đầu tư vào đơn vị khác
Công ty CP Nhựt Hồng	Đầu tư vào đơn vị khác
Công ty CP PT Bóng đá Đồng Tháp	Đầu tư vào đơn vị khác

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP ĐT & PT Đa Quốc Gia IDI	- Mua cá thành phẩm	46.179.035.000
	- Chi phí ủy thác xuất khẩu	361.900.000
	- Chi hộ cước vận chuyển	2.351.256.740
	- Chi dùm tiền BHXH	6.727.500
	- Bán cá tra nguyên liệu	152.689.509.112
	- Phải thu ủy thác xuất khẩu	48.884.788.359
	- Phải trả tiền chi hộ BHXH	29.956.000
Công ty CP Dầu cá Châu Á	- Chi hộ tiền bảo hiểm	19.825.500
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Chi hộ tiền bảo hiểm	4.428.500
	- Bán cổ phiếu AFO	24.000.000.000
Công ty CP Nhựt Hồng	- Chi hộ tiền bảo hiểm	31.915.000

Đến ngày 30/6/2015, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	Phải thu tiền cho mượn	14.410.061.273
		14.410.061.273
Công ty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

		<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Phải thu tiền nộp BHXH chi hộ	82.225.000
Công ty CP Dầu Cá Châu Á	Phải thu tiền nộp BHXH chi hộ	8.449.500
	Phải thu tiền cho mượn tạm	2.000.000.000
Công ty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	Phải thu tiền chi hộ	205.000.000
	Tạm ứng tiền tư vấn thiết kế	210.000.000
Công ty CP Nhứt Hồng	Phải thu tiền chi hộ bảo hiểm	115.839.268

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
Công ty CP ĐT & PT Đa Quốc Gia IDI	- Bán cá thành phẩm	5.591.148.829
	- Thu tiền bán nền Bình Khánh	771.904.000
	- Phải thu Ủy thác xuất khẩu	4.090.981.004
	- Phải thu chi hộ phí hoa hồng	14.096.279.934
	- Thanh toán trước tiền mua cá NL	44.358.918.875
Công ty CP ĐT DL và Phát triển Thủy sản	Ứng trước tiền mua cá nguyên liệu	4.316.914.207
Công ty CP Dầu Cá Châu Á	Phải trả tiền mua đất	9.206.536.078



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
06 tháng đầu năm 2015

2. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo Tài chính nội bộ của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động : xây dựng, bất động sản, xuất khẩu cá. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Lĩnh vực kinh doanh: Thông tin về lĩnh vực kinh doanh là các hoạt động được phân loại thành các lĩnh vực như sau:

Chỉ tiêu	Doanh thu xây dựng	Kinh doanh bất động sản/ bất động sản đầu tư	Doanh thu thương mại	Doanh thu dịch vụ	Tổng
	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu bán hàng thuần		124.691.415.042	206.035.261.647	33.456.701.378	364.183.378.067
Giá vốn bán hàng		72.151.357.737	202.062.144.424	28.481.737.959	302.695.240.120
Lợi nhuận gộp		52.540.057.305	3.973.117.223	4.974.963.419	61.488.137.947
Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu bán hàng thuần	20.865.363.454	74.230.279.496	446.254.429.905	5.676.996.631	547.027.069.486
Giá vốn bán hàng	16.493.155.283	27.368.453.312	425.187.328.289	6.299.022.658	475.347.959.542
Lợi nhuận gộp	4.372.208.171	46.861.826.184	21.067.101.616	(622.026.027)	71.679.109.944

Khu vực địa lý: Khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung ở tỉnh An Giang, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

3. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty không phát sinh các khoản thuê hoạt động nên không trình bày

4. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 vì giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

4. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.432.457.984		389.731.896.437	389.731.896.437
Phải thu khách hàng	259.731.962.544		337.983.074.317	337.983.074.317
Trả trước cho người bán	288.301.448.483		270.196.363.430	270.196.363.430
Các khoản phải thu khác	87.842.259.954		77.664.071.904	77.664.071.904
Đầu tư tài chính ngắn hạn				
Đầu tư tài chính dài hạn	298.616.259.891	(33.297.239)	272.889.869.307	(13.052.496)
Cộng	989.924.388.856	(33.297.239)	1.348.465.275.395	(13.052.496)
			989.891.091.617	1.348.452.222.899
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	46.142.131.194		101.040.087.826	101.040.087.826
Người mua trả tiền trước	110.332.401.050		110.332.401.050	
Vay và nợ	634.589.269.123		634.589.269.123	935.259.653.118
Phải trả người lao động	831.831.015		482.564.004	831.831.015
Các khoản phải trả khác	43.489.270.635		25.772.208.009	482.564.004
Cộng	835.384.903.017		1.062.554.512.957	25.772.208.009
			835.384.903.017	1.062.554.512.957

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác, nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

5. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 30/06/2015	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	45.812.454.505			45.812.454.505
Người mua trả tiền trước	110.332.401.050			110.332.401.050
Vay và nợ	172.874.143.723	461.715.125.400		634.589.269.123
Các khoản phải trả phải nộp khác	42.989.270.635	500.000.000		43.489.270.635
Cộng	372.008.269.913	462.215.125.400		834.223.395.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến hoạt động tiền gửi ngân hàng và việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND. Công ty đánh giá rủi ro này ảnh hưởng không đáng kể.

h. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

i. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 kết thúc ngày 31/12/2014 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs). Số liệu này được phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính để so sánh.

Long Xuyên, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng

Lê Thị Phương

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI HỢP NHẤT	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 37

